

Số: /BC-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp ý kiến tham gia góp ý dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan. Tính đến ngày 10 tháng 08 năm 2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được 99 văn bản tham gia ý kiến của 17 Bộ, ngành, 51 địa phương và 31 tổ chức, cá nhân khác. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu nghiêm túc các ý kiến tham gia, báo cáo Chính phủ kết quả giải trình, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Nghị định như sau:

#### **I. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG**

Đại đa số ý kiến tham gia thống nhất về sự cần thiết, các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định đã bám sát quy định của Luật, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, thống nhất với kết cấu dự thảo Nghị định và phần lớn nội dung quy định tại các điều của dự thảo Nghị định.

Tuy nhiên, còn có một số ý kiến sau:

#### **1. Về tên gọi của Nghị định**

*Có 2 loại ý kiến:*

- Loại ý kiến thứ nhất: Đề nghị giữ nguyên tên dự thảo Nghị định.
- Loại ý kiến thứ hai: Đề nghị lấy tên là “Nghị định về chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp”, hoặc “Nghị định về chính sách đầu tư về bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản trong lâm nghiệp”, hoặc “Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp”.

Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị lấy tên của Nghị định là: “Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp”.

Vì tên gọi ngắn gọn, bao quát nội dung chính của dự thảo Nghị định, phù hợp với nội dung Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết tại Luật Lâm nghiệp (Điều 66-Chính sách phát triển chế biến lâm sản; Điều 94-Chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng).

*2. Bộ Tài chính đề nghị không đưa ra nhiều chính sách với nhiều định mức chi hỗ trợ khác nhau như dự thảo đảm bảo tổng kinh phí thực hiện tất cả các chính sách không vượt quá kinh phí ngân sách Trung ương đã hỗ trợ trong giai đoạn 2016-2020. Đặc biệt cần giải trình rõ cơ sở pháp lý đối với việc tăng mức hỗ trợ ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin giải trình như sau:

- Nghị định này quy định về chính sách đầu tư đối với các hoạt động được quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp (Nghị định 156/2018/NĐ-CP). Đây là các biện pháp lâm sinh có đối tượng rừng, thời gian tác động, biện pháp kỹ thuật và chi phí khác nhau, như: bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, trồng mới rừng, làm giàu rừng.... Mặt khác, theo Luật Lâm nghiệp, rừng được phân thành 3 loại theo mục đích sử dụng, theo đó, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ do Nhà nước bảo đảm đầu tư; rừng sản xuất với mục đích kinh doanh nên Nhà nước chỉ hỗ trợ cho một số trường hợp, nên hình thành các mức hỗ trợ đầu tư khác nhau.

- Pháp luật hiện hành quy định mức hỗ trợ quá thấp và đã thực hiện được 5 năm (từ năm 2016), đặc biệt có mức hỗ trợ thực hiện từ năm 2012, trong khi chi phí vật tư, giống, công lao động đều tăng so với thời điểm ban hành chính sách này.

- Tăng mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất là do diện tích đất còn lại dành cho trồng rừng sản xuất ở vùng sâu, vùng xa, đất xấu, cách xa khu dân cư, nên chi phí vận chuyển cây trồng, chi phí nhân công cao; hơn nữa, đối tượng được hỗ trợ là hộ gia đình, cá nhân thuộc xã khu vực II, III, phần lớn là gia đình nghèo. Chi phí 1 ha rừng trồng khoảng 50-60 triệu/ha. Nếu được hỗ trợ quá ít, phần vốn còn lại hộ gia đình, cá nhân phải tự huy động sẽ gặp nhiều khó khăn hoặc không có. Trên thực tế, ở một số địa phương, đất lâm nghiệp giao cho hộ gia đình nhưng canh tác cây nông nghiệp vì hộ gia đình không có vốn để trồng rừng.

- Bảo đảm tiền công của người tham gia bảo vệ và phát triển rừng tương ứng với mức tiền công nếu tham gia sản xuất nông nghiệp trên cùng địa bàn.

Vì vậy, đề nghị được giữ nguyên các mức hỗ trợ như dự thảo Nghị định.

*3. Bộ Tài chính đề nghị không quy định cụ thể mức hỗ trợ đối với các xã khu vực II, III bằng khoảng 1,2 lần so với các xã còn lại tại Nghị định này mà*

*thực hiện theo Quyết định đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp quy định tại Nghị định này, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban Dân tộc xác định mức hỗ trợ để đảm bảo kinh phí thực hiện trong tổng mức cho nội dung này của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy Nghị định này quy định về chính sách đầu tư nên thực hiện theo Luật Đầu tư, trong đó có ưu tiên cho các xã thuộc khu vực II, III (hỗ trợ đầu tư theo địa bàn). Mặt khác, Nghị định cũng quy định các mức hỗ trợ trong lĩnh vực lâm nghiệp áp dụng trong phạm vi toàn quốc, nên các dự án/tiểu dự án lâm nghiệp (nếu có) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sẽ áp dụng các mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này và trong điều kiện cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban Dân tộc điều chỉnh nhiệm vụ để đảm bảo kinh phí thực hiện trong tổng mức đầu tư cho các hoạt động lâm nghiệp của Chương trình này.

*4. Bộ Tư pháp nêu rõ nhiều dự án/tiểu dự án trong các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 – 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025) có thể có các nội dung hỗ trợ đầu tư, phát triển lâm nghiệp. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo tránh trùng lặp.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy Nghị định này quy định về chính sách đầu tư áp dụng trong toàn quốc đối với lĩnh vực lâm nghiệp, nên các dự án/tiểu dự án về lâm nghiệp (nếu có) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 – 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 sẽ thực hiện theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này, nên đảm bảo tính thống nhất, không trùng lặp mức hỗ trợ.

*5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến Dự thảo Nghị định chưa có ưu tiên về phát triển vùng nguyên liệu (chính sách hỗ trợ trồng rừng sản xuất tại các vùng khác, ưu tiên phát triển trồng cây gỗ lớn..).*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy trong dự thảo Nghị định, Điều 17 quy định chính sách hỗ trợ xây dựng đường lâm nghiệp và đường băng cản lửa tại những khu rừng sản xuất nếu các chủ rừng liên kết hình thành vùng nguyên liệu trên 500ha. Điều 18 quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp liên kết với chủ rừng trồng rừng sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ lâm sản hình thành vùng nguyên liệu tập trung; Điều 21 quy định chính sách

khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư trồng rừng gỗ lớn, phát triển LSNG

Như vậy, dự thảo Nghị định đã có các quy định trực tiếp hoặc gián tiếp khuyến khích phát triển hình thành vùng nguyên liệu lâm sản.

*6. Bộ Tư pháp cho rằng dự thảo Nghị định có nhiều quy định dẫn chiếu áp dụng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý đầu tư công trình lâm sinh có thể phát sinh thủ tục hành chính. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Thông tư của Bộ trưởng không được quy định thủ tục hành chính, trừ trường hợp được giao trong Luật. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại các quy định nêu trên theo hướng quy định trực tiếp trình tự, thủ tục hành chính về quản lý đầu tư công trình lâm sinh tại dự thảo Nghị định này.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, đã bổ sung quy định về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình đầu tư lâm sinh, bảo vệ rừng tại Mục 1 Chương IV dự thảo Nghị định.

## **II. VỀ CÁC Ý KIẾN CỤ THỂ**

### **1. Chương 1: Quy định chung**

#### **1.1. Phạm vi điều chỉnh ( Điều 1)**

*Bộ Tư pháp nêu rõ Luật Lâm nghiệp không giao Chính phủ quy định chi tiết về hỗ trợ sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp (Điều 15 dự thảo Nghị định); Bộ Công thương đề nghị bỏ cụm từ "thương mại lâm sản", vì dự thảo Nghị định không quy định nội dung này; đề nghị bỏ cụm từ "trong lâm nghiệp".*

- Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Điều 1 như sau:

#### **"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

*Nghị định này quy định một số chính sách về đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản".*

- Về vấn đề hỗ trợ sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau:

+ Luật Lâm nghiệp (Khoản 4 Điều 4- Chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp; điểm d, khoản 3, Điều 94- Chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng) quy định Nhà nước hỗ trợ giống cây trồng lâm nghiệp và có chính sách ưu đãi đầu tư cho các hoạt động phát triển giống cây lâm nghiệp công nghệ cao.

+ Nghị định 156/2018/NĐ-CP (khoản 3, khoản 4 Điều 87- Chính sách đầu tư; điểm a, khoản 2, Điều 88- Chính sách hỗ trợ đầu tư) quy định chọn, tạo, nhân giống cây trồng thân gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ; nhân giống cây bằng công nghệ nuôi cấy mô, phôi sinh dưỡng; tạo giống mới bằng công nghệ biến nạp gen, công

nghe đột biến gen, công nghệ tế bào, công nghệ di truyền phân tử; xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao, vườn ươm giống cây rừng.

+ Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp (Điều 5) quy định Nhà nước đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát triển vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống.

## **1.2. Đối tượng áp dụng ( Điều 2)**

*Có ý kiến đề nghị sửa lại, như: bỏ sung cụm từ "trong nước" sau cụm từ " cộng đồng dân cư"; bỏ sung đối tượng: "chủ rừng là các tổ chức kinh tế" hoặc "doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất"; "nhóm hộ" trong các điều khoản của Nghị định, vì trên thực tế, nhóm hộ triển khai nhiều hoạt động quan trọng trong công tác bảo vệ rừng*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì Nghị định này áp dụng cho cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản trên lãnh thổ Việt Nam; cụm từ "tổ chức" đã bao hàm "tổ chức kinh tế" và "doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất". Mặt khác Luật Lâm nghiệp không quy định đối tượng áp dụng là nhóm hộ và trên thực tế nhóm hộ được hình thành trên cơ sở các hộ tự nguyện liên kết để bảo vệ và phát triển rừng, nên không cần thiết phải quy định tại Nghị định này.

## **1.3. Giải thích từ ngữ ( Điều 3)**

*a) Có ý kiến đề nghị bỏ sung giải thích cụm từ "đầu tư", "vùng đất ven biển"; sửa lại khái niệm về "hỗ trợ đầu tư", "hỗ trợ sau đầu tư", "khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao"*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và được thể hiện tại Điều 3 dự thảo Nghị định.

*b) Có ý kiến đề nghị sửa lại khái niệm về xã khu vực II, III; có ý kiến đề nghị không quy định nội dung về xã Khu vực II, III, vì nội dung này đã được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực II, III, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 861/QĐ-TTg).*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì Quyết định số 861/QĐ-TTg phê duyệt danh sách các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, nên thuật ngữ này cần được quy định tại Nghị định. Đồng thời sửa đổi khoản 4 (nay là khoản 6) để phù hợp như sau: "6. Xã khu vực II là xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; Xã khu vực III là xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định về tiêu chí của Thủ tướng Chính phủ".

## **2. Chương 2. Một số chính sách đầu tư về bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản**

### **2.1. Về tên chương**

*Có ý kiến đề nghị sửa lại tiêu đề Chương 2, như: "Các chính sách về bảo vệ, phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản" hoặc "Một số chính sách đầu tư về bảo vệ và phát triển rừng và chế biến lâm sản", vì nội dung chương này không điều chỉnh hoạt động thương mại*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, sửa lại tiêu đề Chương II như sau: "*Chương 2. Một số chính sách đầu tư về bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản*".

### **2.2. Về mức hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất (các Điều 5, 7, 8, 9 và 10)**

*a) Có ý kiến đề nghị Nhà nước cấp kinh phí quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng cho Ban quản lý rừng với mức tối đa 200.000đ/ha/năm hoặc 300.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng. Vì nếu quy định 150.000đ/ha/năm như dự thảo Nghị định thì Ban quản lý rừng không có kinh phí để thực hiện các hoạt động khác như quy định tại Điều 28 dự thảo Nghị định.*

Về vấn đề này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau:

- Nhà nước cấp kinh phí quản lý, bảo vệ rừng cho Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ, ngoài kinh phí chi thường xuyên, với mức bình quân 150.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao là trên cơ sở kế thừa quy định của pháp luật hiện hành (Quyết định 24/2012/QĐ-TTg<sup>1</sup>) có tính đến điều kiện cụ thể như thay đổi về mức lương cơ bản, tiền công lao động, thay đổi về giá cả hàng hóa tiêu dùng năm 2012 so với năm 2021.

- Trong điều kiện ngân sách nhà nước có hạn nên việc tăng như vậy là hợp lý, đòi hỏi các Ban quản lý rừng cần đổi mới về công tác tổ chức quản lý rừng đạt hiệu quả cao.

- Việc Ban quản lý rừng tự tổ chức bảo vệ rừng hoặc ký hợp đồng thuê khoán với hộ gia đình, cá nhân để bảo vệ rừng là thuộc quyền của Ban quản lý trong phạm vi nguồn kinh phí được cấp và nguồn thu hợp pháp khác.

Vì vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

<sup>1</sup> Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 - 2020

*b) Có ý kiến đề nghị mức cấp kinh phí bảo vệ rừng cho các đối tượng khác tăng lên mức 1 triệu đồng/ha/năm hoặc 2 triệu đồng/ha/năm, nếu quy định mức 500.000đ/ha/năm như dự thảo thì tiền công bảo vệ rừng quá thấp*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì mức kinh phí 500.000đ/ha/năm được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định của pháp luật hiện hành (Quyết định 38/2016/QĐ-TTg<sup>2</sup>, Nghị định 75/2015/NĐ-CP<sup>3</sup>) có tính đến điều kiện cụ thể để bảo đảm thu nhập cho người tham gia bảo vệ rừng. Tuy nhiên do ngân sách nhà nước có hạn nên mức tăng ở mức độ hợp lý.

*c) Có ý kiến đề nghị mức kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng cho chủ rừng là công ty nông, lâm nghiệp được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng là 500.000 đồng/ha/năm. Vì trong thời gian đóng cửa rừng, tuy các chủ rừng sản xuất là rừng tự nhiên vẫn được khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ nhưng thu nhập từ lâm sản ngoài gỗ thường rất thấp, không đủ để bù đắp chi phí bảo vệ rừng.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì về nguyên tắc, công ty nông, lâm nghiệp phải tự tổ chức bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên, nay thực hiện chủ trương đóng cửa rừng nên Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, mức hỗ trợ 200.000đ/ha/năm (năm 2016), nay tăng lên 300.000đ/ha/năm là hợp lý.

*d) Có ý kiến đề nghị cân nhắc bỏ UBND cấp xã là đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng, vì Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là chủ rừng, không có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng. Việc tiếp tục có các chính sách đầu tư cho UBND cấp xã sẽ có nguy cơ làm chậm tiến trình giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng để quản lý, làm gánh nặng ngân sách của nhà nước.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì do nhiều nguyên nhân khác nhau, diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê trong phạm vi toàn quốc khoảng 2,94 triệu ha (2020). Theo Luật Lâm nghiệp (điểm c khoản 3 Điều 102), Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê; đồng thời làm thủ tục tiếp tục giao rừng cho các đối tượng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Vì vậy, Nhà nước cần bố trí kinh phí để Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng này.

*đ) Về khoản bảo vệ rừng: Có ý kiến đề nghị xác định rõ đối tượng là rừng hay chủ thể giao khoán để tránh nhầm lẫn; có ý kiến đề nghị bổ sung đối tượng nhận khoán; cân nhắc UBND cấp xã là đối tượng khoán vì đối tượng này không*

<sup>2</sup> Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông lâm nghiệp

<sup>3</sup> Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc

*phải là chủ rừng và sẽ không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 168/2016/NĐ-CP<sup>4</sup>*

Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, chỉnh sửa và được thể hiện tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị định.

*e) Có ý kiến đề nghị nâng mức hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ bình quân 2,1 triệu đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm,...). Vì khi thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh cần phải tác động bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, trong đó chi phí nhân công tối thiểu cho lao động phổ thông tại địa phương (khoảng 300.000 đồng/ngày/lần phát dọn,... x 7 lần/6 năm = 2.100.000 đồng; số lần thực hiện biện pháp kỹ thuật theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 4, Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì mức kinh phí bình quân 1 triệu đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định của pháp luật hiện hành (Quyết định 38/2016/QĐ-TTg) có tính đến điều kiện cụ thể để bảo đảm thu nhập cho người tham gia khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên. Tuy nhiên do ngân sách nhà nước có hạn nên mức tăng ở mức độ hợp lý.

*g) Về hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung rừng sản xuất là rừng tự nhiên (Điều 8)*

*Có ý kiến đề nghị nâng mức hỗ trợ tối đa 3 triệu đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 2 triệu đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo. Vì theo điểm d, khoản 2, Điều 5, Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định mật độ trồng bổ sung không quá 800 cây/ha, tuy nhiên thực tế cường độ trồng bổ sung khoảng 30% diện tích, tương đương khoảng 240 cây/ha x đơn giá 19.500 đồng/cây (lát hoa là cây bản địa thông dụng) = chi phí vật liệu 4.600.000 đồng/ha + hỗ trợ nhân công trồng, chăm sóc 3 năm đầu 5.400.000 đồng = 10.000.000 đồng/ha; mức hỗ trợ cho 3 năm tiếp theo 3.900.000 đồng/ha, bình quân 1.300.000 đồng/ha/năm để quản lý bảo vệ rừng trồng.*

Về vấn đề này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau:

- Mức hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định 75/2015/NĐ-CP; theo đó, mức hỗ trợ không quá 1,6 triệu đồng/ha/năm trong 03 năm đầu và 0,6 triệu đ/ha/năm cho 03 năm tiếp theo, nên việc điều chỉnh mức hỗ trợ như dự thảo Nghị định, về cơ bản, là hợp lý.

<sup>4</sup> Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước.



- Rừng sản xuất phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần cho người dân ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa theo hướng quy định mức hỗ trợ bình quân/ha trong cả thời gian khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, có điều chỉnh mức hỗ trợ và được thể hiện tại Điều 8 dự thảo Nghị định.

*h) Có ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể hơn về định mức đầu tư cho 1 ha trồng rừng đặc dụng, phòng hộ là bao nhiêu tiền (từ khi trồng đến khi thành rừng) để làm căn cứ các địa phương xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí đầu tư công hàng năm (Điều 9).*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, vì:

- Việc quy định mức đầu tư trồng rừng theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhằm tính đúng, tính đủ chi phí, bảo đảm người tham gia trồng rừng có thu nhập tương ứng với công sức bỏ ra.

- Mỗi địa phương có điều kiện tự nhiên khác nhau nên chi phí trồng rừng rất khác nhau. Có địa phương mức đầu tư trồng rừng đặc dụng, phòng hộ khoảng 40-50 triệu đ/ha, trong khi đó các địa phương ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên khoảng 60-70 triệu đồng/ha; trồng rừng ngập mặn trên 100 triệu đồng/ha.

- Tạo điều kiện cho các tỉnh có thể bố trí nguồn kinh phí bổ sung từ ngân sách địa phương cho đầu tư trồng rừng.

*i) Có ý kiến đề nghị mở rộng đối tượng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất và LSNG (Điều 10) không phải chỉ giới hạn hộ gia đình, cá nhân xã khu vực II, III mà bao gồm cả hộ gia đình, cá nhân xã khu vực I hoặc bao gồm cả tổ chức; có ý kiến đề nghị nâng mức hỗ trợ từ 20 - 30 triệu đồng/ha. Vì thực tế chi phí đầu tư trồng rừng cho chu kỳ hết khoảng 40-50 triệu/ha.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, vì:

- Nghị định này điều chỉnh về chính sách đầu tư nên thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư theo địa bàn như quy định tại Luật Đầu tư.

- Rừng sản xuất là rừng phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh nên "Tổ chức" thực hiện kinh doanh rừng theo nguyên tắc thị trường; Nhà nước chỉ hỗ trợ cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; hơn nữa diện tích đất trồng

rừng sản xuất của các đối tượng này quy mô nhỏ, phân tán nên chi phí trồng rừng cao.

- Mức hỗ trợ 10-15 triệu đồng/ha được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định của pháp luật hiện hành (Quyết định 38/2016/QĐ-TTg) có tính đến điều kiện cụ thể để bảo đảm thu nhập cho người tham gia trồng rừng. Tuy nhiên do ngân sách nhà nước có hạn nên mức tăng ở mức độ hợp lý.

### ***2.3. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định hỗ trợ cộng đồng dân cư sống xen kẽ trong rừng phòng hộ tương tự như hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm rừng đặc dụng (Điều 13)***

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy Luật Lâm nghiệp không quy định vùng đệm rừng phòng hộ nên không có cơ sở pháp lý để xuất hỗ trợ này. Mặt khác, trong dự thảo Nghị định, quy định hỗ trợ người dân thuộc xã khu vực II, III trồng rừng sản xuất, ưu tiên nhận khoán rừng, trong đó có cư dân sống xen kẽ, liền kề các khu rừng phòng hộ. Ngoài ra, cộng đồng dân cư sống xen kẽ trong rừng phòng hộ còn được hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ khác của nhà nước. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

### ***2.4. Hỗ trợ đầu tư khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Điều 16)***

*Có ý kiến đề nghị bỏ Điều này vì chính sách này đã được quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP<sup>5</sup>; có ý kiến đề nghị cân nhắc cách chỉ dẫn đến văn bản áp dụng*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ đầu tư khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 94 Luật Lâm nghiệp và thể hiện tính đầy đủ của chính sách đầu tư trong lâm nghiệp. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP chưa có quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉnh sửa theo hướng Nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, còn các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao thì được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và được thể hiện tại Điều 16 dự thảo Nghị định.

### ***2.5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp và công trình bảo vệ rừng tại những khu rừng sản xuất (Điều 17)***

*a) Xây dựng đường lâm nghiệp: đề nghị điều chỉnh khu vực trồng rừng sản xuất quy mô tập trung từ 500 ha xuống 200 ha hoặc 100 ha trở lên và điều*

<sup>5</sup> Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

*chỉnh nâng mức hỗ trợ lên 700 triệu đ/km để phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương, đồng thời tạo điều kiện cho nhiều hộ dân tham gia trồng rừng được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước. Vì miền núi địa hình trắc trở nhiều sông suối chia cắt, nên khó đạt 500 ha liền kề để được hỗ trợ.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, vì:

- Về nguyên tắc, đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp tại những khu rừng sản xuất là do chủ rừng tự bỏ vốn. Tuy nhiên, do điều kiện sản xuất lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn, rừng phân tán, nên Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần.

- Việc quy định quy mô từ 500ha trở lên nhằm khuyến khích các chủ rừng liên kết hình thành các khu rừng nguyên liệu tập trung để thuận tiện trong việc tiêu thụ sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

- Mức hỗ trợ 500 triệu đồng/km được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định của pháp luật hiện hành (Quyết định 38/2016/QĐ-TTg) và có tính đến thay đổi về giá cả nhân công, vật liệu so với thời điểm ban hành Quyết định 38/2016/QĐ-TTg.

*b) Xây dựng công trình bảo vệ rừng: có ý kiến đề nghị bổ sung thêm tháp canh bảo vệ rừng; hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng các công trình bảo vệ rừng (công trình nhà trạm, Đồi bảo vệ rừng và các công trình PCCCR theo hồ sơ thiết kế được duyệt) đồng thời quy định mức hỗ trợ cho các công trình này; có ý kiến đề nghị sửa lại công trình bảo vệ rừng là đường băng cản lửa tại khu rừng sản xuất có quy mô tập trung từ 300 ha hoặc từ 100 ha trở lên, vì địa hình miền núi bị chia cắt nhiều.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì về nguyên tắc, đầu tư xây dựng đường băng cản lửa tại những khu rừng sản xuất là do chủ rừng tự bỏ vốn. Tuy nhiên, do điều kiện sản xuất lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn, nên Nhà nước chỉ hỗ trợ xây dựng công trình bảo vệ rừng chính. Việc quy định quy mô từ 500ha trở lên mới được hỗ trợ nhằm khuyến khích các chủ rừng liên kết hình thành các khu rừng nguyên liệu tập trung.

## **2.6. Chính sách tín dụng (Điều 18)**

*Có ý kiến (Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính) đề nghị không quy định chính sách tín dụng ưu đãi tại dự thảo Nghị định, việc ưu đãi tín dụng thực hiện theo các chính sách hiện hành*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu bỏ Điều này, chính sách tín dụng thực hiện theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

## **2.7. Hỗ trợ hợp tác, liên kết trong trồng rừng và tiêu thụ sản phẩm (Điều 19)**

*Có ý kiến đề nghị bổ sung loại hình liên kết theo hợp tác xã, nhóm hộ. vì hợp tác xã, nhóm hộ trồng rừng là nhóm yếu thế nhất trong loại hình liên kết trồng rừng, với các cơ hội tiếp cận thông tin thấp hơn so với các đối tượng khác; trình tự, thủ tục hồ sơ dự án liên kết trồng rừng và tiêu thụ sản phẩm thực hiện theo Điều 12 Nghị định 98/2018/NĐ-CP<sup>6</sup> là không thể thực hiện được vì dự án sử dụng vốn đầu tư công phải thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công 2019.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và được thể hiện tại Điều 18 dự thảo Nghị định.

## **2.8. Hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trong chế biến lâm sản (Điều 20)**

*Có ý kiến đề nghị bỏ quy định về hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ trong chế biến lâm sản, vì chính sách này đã được quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ và Nghị định số 111/2015/NĐ-CP; có ý kiến đề nghị đưa những nội dung của Điều 20 vào dự thảo Nghị định sẽ thay thế Nghị định 57/2018/NĐ-CP.*

Về vấn đề này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau:

- Trong danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP<sup>7</sup> không có danh mục công nghiệp hỗ trợ trong chế biến lâm sản, nên cần đưa danh mục công nghiệp hỗ trợ trong chế biến lâm sản vào dự thảo Nghị định này.

- Nghị định này hướng dẫn Điều 66 Luật Lâm nghiệp (chính sách ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ trong chế biến lâm sản)

Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa và được thể hiện tại Điều 19 dự thảo Nghị định.

## **2.9. Hỗ trợ xây dựng và kinh phí vận chuyển cho các nhà máy chế biến gỗ rừng trồng tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Điều 21)**

*Có ý kiến đề nghị điều chỉnh nâng mức hỗ trợ; có ý kiến cho rằng những dự án xây dựng nhà máy chế biến gỗ là dự án đầu tư kinh doanh nên cần rà soát lại nội dung này bảo đảm phù hợp với quy định về đối tượng đầu tư công (Điều 5 Luật Đầu tư công); có ý kiến đề nghị bỏ điểm b khoản 3 Điều 21 do nội dung hỗ trợ này không hiệu quả; thực tế triển khai tại một số địa phương có nhiều sai sót, phải thu hồi vốn Nhà nước đã hỗ trợ*

Tiếp thu ý kiến góp ý và trên cơ sở quy định về đối tượng đầu tư công tại

<sup>6</sup> Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản.

<sup>7</sup> Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ

Luật Đầu tư công và chính sách ưu đãi đầu tư tại Luật Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉnh sửa và được thể hiện tại Điều 20 dự thảo Nghị định.

**2.10. Về chính sách khuyến khích phát triển trồng rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ (Điều 23)**

*Có ý kiến đề nghị bỏ Điều này, vì nội dung trùng với nội dung dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 57/2018/NĐ-CP; có ý kiến đề nghị chỉnh sửa nội dung Điều này*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình như sau:

- Nội dung Điều này hướng dẫn điểm a, b khoản 3 Điều 94 Luật Lâm nghiệp (chính sách ưu đãi đầu tư phát triển trồng rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ);

- Đối tượng áp dụng trong Nghị định này gồm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không phân biệt xã thuộc khu vực II, III, như vậy đối tượng áp dụng rộng hơn so với Nghị định 57/2018/NĐ-CP (đối tượng áp dụng là doanh nghiệp).

Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉnh sửa theo hướng bổ sung quy định mức hỗ trợ và ưu đãi đầu tư đối với hộ gia đình, cá nhân trồng rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ tại Nghị định này; còn đối với doanh nghiệp, được hưởng chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ và được thể hiện tại Điều 22 dự thảo Nghị định lần này.

**2.11. Về nguồn vốn thực hiện:** *Có ý kiến đề nghị làm rõ nhiệm vụ chi của các nguồn ngân sách trung ương và địa phương đối với từng hoạt động quy định trong Nghị định - các hoạt động trong Nghị định cần được làm rõ cụ thể hơn đối với từng đối tượng rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất)- đặc biệt liên quan tới đa dạng sinh học, chức năng bảo vệ môi trường, mang tính công ích, một số nhiệm vụ mang tính chất chuyên ngành*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy, Nghị định này quy định về chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư và nguồn vốn thực hiện từ ngân sách nhà nước, bao gồm nguồn vốn đầu tư phát triển và kinh phí chi thường xuyên ở 2 cấp: Trung ương và địa phương. Nhiệm vụ chi cụ thể của các nguồn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, theo đó, trong giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương được giao chi tiết theo ngành, lĩnh vực, do các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương cân đối trên tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được giao. Kinh phí chi thường xuyên được giao theo kế hoạch dự toán hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Vì vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

**2.12. Về cơ chế tài chính:** *Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị quy định rõ nội dung nào sử dụng vốn đầu tư phát triển, nội dung nào sử dụng*

*kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước, nội dung nào cần ngân sách Trung ương hỗ trợ để các Bộ, ngành và địa phương thực hiện.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và được thể hiện tại Điều 24 dự thảo Nghị định.

### **2.13. Về cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ công ích (Điều 30)**

*Có ý kiến đề nghị không quy định vấn đề này, vì nội dung quy định tại Điều 30 dự thảo Nghị định đã được quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP<sup>8</sup>; có ý kiến đề nghị sửa lại Điều 30 dự thảo Nghị định theo hướng quy định phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo các phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, không phải mỗi hình thức đặt hàng như dự thảo Nghị định*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin giải trình như sau:

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP áp dụng chung cho các ngành, trong đó có lĩnh vực lâm nghiệp. Tuy nhiên, Nghị định này không quy định chi tiết danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Quyết định số 254/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó có lĩnh vực lâm nghiệp. Tuy nhiên, văn bản này không quy định chi tiết danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực lâm nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước tại các địa phương (theo ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 6725/BTC-ĐT ngày 12 tháng 07 năm 2021).

Vì vậy, để có cơ sở pháp lý Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương tổ chức xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công, Nghị định này cần quy định chi tiết danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực lâm nghiệp áp dụng thống nhất trong toàn quốc, còn cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉnh sửa và được thể hiện tại Điều 28 dự thảo Nghị định.

### **2.14. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, nghiệm thu công trình lâm sinh, bảo vệ rừng; thanh lý rừng trồng**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị bổ sung "*Chương IV- Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh, bảo vệ rừng; thanh lý rừng trồng*" và được thể hiện từ Điều 28 đến Điều 37 dự thảo Nghị

<sup>8</sup> Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên

định, với lý do sau đây:

- Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp, để đảm bảo tính thống nhất của dự thảo Nghị định với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, quy định trực tiếp trình tự, thủ tục hành chính về quản lý đầu tư công trình lâm sinh tại dự thảo Nghị định này không dẫn chiếu áp dụng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

- Ngày 28 tháng 12 năm 2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 110/2020/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 18/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý rừng trồng không thành rừng, rừng trồng không có khả năng thành rừng. Ngày 29 tháng 12 năm 2020, Bộ Tài chính có Công văn số 16026/BTC-QLCS đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động rà soát, nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng, khai thác lâm nghiệp nói chung và tài nguyên rừng nói riêng, đảm bảo đúng các chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao.

Vì vậy, để có cơ sở hướng dẫn các địa phương, chủ rừng thực hiện việc thanh lý rừng trồng không thành rừng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị đưa nội dung thanh lý rừng trồng vào dự thảo Nghị định này.

Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động rà soát, sửa đổi một số từ ngữ làm rõ nghĩa hơn, chỉnh sửa một số quy định tại một số điều trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý và được thể hiện trong dự thảo Nghị định.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trên cơ sở nghiên cứu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo Chính phủ xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TCLN; Vụ PC;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Quốc Doanh**